

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 120/2022/DS-PT.**

**Ngày: 06 - 9 - 2022**

**V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản và nợ hui”.**

**NH DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Khải

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Phạm Hoàng Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 81/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 102/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phan Thị S; địa chỉ ấp A, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

*Bị đơn:*

1. Chị Lê Thị Ngọc H; địa chỉ ấp P, xã X, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp Q, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

2. Anh Võ Văn B; địa chỉ ấp P, xã X, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp Q, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Văn B:* Ông Nguyễn Thành T; địa chỉ số 37, N, khu vực M, phường V, thành phố O, tỉnh Hậu Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phan Thị R; địa chỉ ấp A, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

*Người kháng cáo:* chị Lê Thị Ngọc H và anh Võ Văn B

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày:* Do quen biết nên chị có cho vợ chồng chị Lê Thị Ngọc H, anh Võ Văn B vay tiền và tham gia chơi hội nhiều lần cụ thể như sau:

#### **1. Về tiền vay:**

- Lần thứ 1: Ngày 28/02/2020 (âl), vay số tiền 70.000.000<sup>d</sup>, lãi suất thỏa thuận là 50.000<sup>d</sup>/1.000.000<sup>d</sup>/tháng. Từ khi vay cho đến nay chưa đóng lãi và vốn. Hai bên có làm biên nhận, vợ chồng anh B có ký tên.

- Lần thứ 2: Ngày 10/3/2020 (âl), vay số tiền 48.000.000<sup>d</sup>, lãi suất thỏa thuận là 50.000<sup>d</sup>/1.000.000<sup>d</sup>/tháng. Từ khi vay cho đến nay chưa đóng lãi và vốn. Hai bên có làm biên nhận chị H là người ký tên, còn anh B không ký tên vào biên nhận.

- Lần thứ 3: Ngày 13/3/2020 (âl), vay số tiền 20.000.000<sup>d</sup>, lãi suất thỏa thuận là 50.000<sup>d</sup>/1.000.000<sup>d</sup>/tháng. Từ khi vay cho đến nay chưa đóng lãi và vốn. Hai bên có làm biên nhận, chị H cũng có ký tên vào biên nhận, còn anh B không ký tên vào biên nhận.

Tổng số tiền của các lần vay là 138.000.000<sup>d</sup>, trong các biên nhận chị H ghi là mượn nhưng thực tế đây là số tiền vay.

#### **2. Về Hội:**

- Hội ngày: Từ ngày 15/3/2020 đến 31/3/2020 dương lịch vợ chồng chị H có tham gia 09 dây hội. Đến ngày 15/03/2020 (âl), chị H có viết biên nhận và tổng

kết các dây hụi với tổng số tiền còn nợ vốn và lãi là 365.000.000<sup>d</sup>. Nguyên đơn tự nguyện trừ lại số tiền lãi và hoa hồng của 09 dây hụi với số tiền 97.500.000<sup>d</sup>, yêu cầu bị đơn trả tiền vốn còn nợ 267.500.000<sup>d</sup>.

- Hụi nửa tháng: Hụi 15 ngày khui hụi một lần, một lần khui 3 dây mỗi dây 500.000<sup>d</sup>. Vào ngày 28/01/2020 (âl), nguyên đơn mở 03 dây hụi, có 27 phần; vợ chồng chị H tham gia cả 03 dây hụi, mỗi dây 04 phần.

+ Khui lần thứ nhất là ngày 28/01/2020 (âl), khui cùng lúc 03 dây, vợ chồng chị H bỏ thăm trúng hụi và nhận số tiền hụi của 03 dây với số tiền là 26.910.000<sup>d</sup>, có làm biên nhận và chị H ký nhận số tiền hụi đã giao.

+ Khui lần thứ hai là ngày 13/02/2020 (âl), vợ chồng chị H bỏ thăm trúng hụi và nhận số tiền hụi của 03 dây với số tiền là 27.375.000<sup>d</sup>, có làm biên nhận và chị H ký nhận số tiền hụi đã giao.

+ Khui hụi lần thứ ba là ngày 28/02/2020 (âl), vợ chồng chị H bỏ thăm trúng hụi và nhận được số tiền hụi của 03 dây với số tiền là 27.480.000<sup>d</sup> vợ chồng chị H, có làm biên nhận và chị H ký nhận số tiền hụi đã giao.

+ Khui hụi lần thứ tư là ngày 13/3/2020 (âl), chị H cũng trúng hụi nhưng lần này do không có làm biên nhận giao hụi nên không nhớ số tiền hụi đã hốt và giao cho chị H là bao nhiêu.

Trong các biên nhận hụi nửa tháng, chị H ký nhận tiền hụi thì đều có ghi số tiền phải đóng lại hụi chết là 13 tháng rưỡi (13,5 tháng), mỗi tháng đóng 3.000.000<sup>d</sup>. Ba biên nhận hụi mỗi tháng 9.000.000<sup>d</sup> x 13,5 tháng là 121.500.000<sup>d</sup>. Chị H có gửi cho chị R đóng lại cho chị được 12.000.000<sup>d</sup> còn nợ 109.500.000<sup>d</sup>.

Tổng cộng tiền hụi vợ chồng chị H còn nợ 377.000.000<sup>d</sup> (trong đó hụi ngày 267.500.000<sup>d</sup> và nửa tháng 109.500.000<sup>d</sup>).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H, anh B trả nợ số tiền 515.000.000<sup>d</sup>; trong đó nợ vay 138.000.000<sup>d</sup>, nợ hụi 377.000.000<sup>d</sup>, không yêu cầu tính lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Ngọc H trình bày:*

1. Về tiền vay: Chị H không thừa nhận vay tiền của chị S; số tiền được ghi trong các biên nhận ngày 28/02/2020 (âl), ngày 10/3/2020 (âl), ngày 13/3/2020 (âl) có chữ ký của chị trong đó có biên nhận 28/02/2020 (âl) có chữ ký của chị

và anh B là số tiền góp của các dây hụi ngày chứ không phải tiền vay, nhưng lý do ghi trong biên nhận là tiền mượn là do nguyên đơn ghi và là do chị đang nợ nên đồng ý ký tên.

## 2. Về hụi:

- Hụi ngày: Đối với biên nhận ngày 15/3/2020 là biên nhận chốt nợ hụi của các dây hụi ngày mà chị góp cho chị S trước đó. Trong biên nhận ghi số tiền còn nợ 365.000.000<sup>d</sup> là tiền nợ của 09 dây hụi ngày; số tiền này đã bao gồm cả 03 biên nhận trước đó là biên nhận ngày 28/02/2020 (âl), ngày 10/3/2020 (âl), ngày 13/3/2020 (âl) (phần tiền vay) cộng dồn lại; chị có ký tên trong biên nhận này.

- Hụi nửa tháng: Ngày 28/01/2020 (âl), chị có tham gia 03 dây hụi do chị S làm chủ, nhưng mỗi dây chỉ tham gia 02 phần, tổng được 06 phần. Các phần hụi này chị đã hốt hết và tiền hốt được thì chị S cần trừ vào các khoản nợ hụi trước đó, chị S không có giao tiền cho chị. Đến ngày 15/3/2020 (âl) thì chị S có đưa cho chị 03 biên nhận; chị có ký tên trong các biên nhận nợ hụi ngày 28/01/2020 (âl), ngày 13/02/2020 (âl), ngày 28/02/2020 (âl). Sau đó, chị có đóng tiền theo kỳ là nửa tháng đóng 3.000.000<sup>d</sup> cho chị S; đóng được 04 kỳ với số tiền 12.000.000<sup>d</sup> thì ngưng, trong các lần đóng thì chị gửi cho chị R đưa tiền cho chị S.

Nay chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của chị S, lý do đã đóng quá nhiều vốn và lãi; yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra để xem xét hành vi cho vay lãi nặng đối với chị S theo quy định.

*Bị đơn anh Võ Văn B ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T trình bày:* Việc chị H và chị S tham gia chơi hụi hay vay tiền gì với nhau thì anh B không biết; anh B chỉ có ký tên trong 01 biên nhận ngày 28/02/2020 (âl) và nhận tiền giùm đem về cho chị H số tiền 43.750.000<sup>d</sup>. Còn các lần khác cùng các biên nhận nợ anh B không biết và không có ký tên. Anh B không biết việc chị H chơi hụi hay vay tiền của chị S sử dụng vào mục đích gì anh không biết, nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của chị S.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị R trình bày:* Chị là em ruột của chị Phan Thị S. Trước đây, chị Lê Thị Ngọc H có gửi tiền nhờ chị đưa cho chị S giùm. Tổng số tiền của các lần chị H đưa cho chị là 12.000.000<sup>d</sup>. Toàn bộ số tiền này chị đã đưa lại cho chị S, còn nội dung chị H trả tiền gì cho chị S chị không biết và có yêu cầu gì trong vụ án.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị S.

Buộc chị Lê Thị Ngọc H và anh Võ Văn B có nghĩa vụ liên đới phải trả cho chị Phan Thị S số tiền còn nợ 515.000.000<sup>d</sup> (năm trăm mười lăm triệu đồng); trong đó tiền vay 138.000.000<sup>d</sup> (một trăm ba mươi tám triệu đồng), tiền hụi 377.000.000<sup>d</sup> (ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, bị đơn chị Lê Thị Ngọc H và anh Lê Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B không thống nhất theo bản án sơ thẩm về việc buộc anh B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ; anh B có mặt tại phiên tòa đồng ý trả nợ liên đới đối với biên nhận ngày 28/02/2020 các khoản khác không đồng ý trả theo yêu cầu của bị đơn đồng thời rút lại yêu cầu kháng cáo chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý hành vi vay nặng lãi đối với chị Phan Thị S. Chị H giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không đồng trả nợ lý do đã đóng quá nhiều vốn và lãi, đồng thời cho rằng anh B không liên quan đến các khoản nợ; ngoài ra giữ nguyên yêu cầu chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ hành vi cho vay nặng lãi đối với chị Phan Thị S.

Nguyên đơn chị Phan Thị S đồng ý phân trách nhiệm liên đới của anh B đối với biên nhận ngày 28/02/2020 do anh B ký. Các khoản nợ khác yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả theo bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của các đương sự về nghĩa vụ liên đới đối với biên nhận ngày 28/02/2020 do anh B cùng chị H ký tên. Đối với các khoản nợ vay chị H không thừa nhận và cho rằng đã gộp biên nhận ngày 15/3/2020; Đối với Hụi nửa tháng khai ngày 28/01/2020 (âl) chị H chỉ thừa nhận tham gia 02 phần và thừa nhận hốt nhưng không nhận tiền. Chị H thừa nhận ký nhận vào các biên nhận nhưng

đưa ra nhiều lý do cho rằng gộp biên nhận, ký nhận nhưng không nhận tiền, đã trả quá nhiều lãi nên không đồng ý trả tiếp. Chị H trình bày nhưng không được chị S thừa nhận; chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nghĩa vụ trả nợ. Trong khi đó chị H thừa nhận ký nhận các biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp, nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ là có căn cứ. Đối với kháng cáo yêu cầu chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý hành vi vay nặng lãi đối với chị Phan Thị S đại diện Viện kiểm sát nhận định; theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án và các giấy tờ bị đơn cung cấp tại tòa cho thấy, giao dịch của các đương sự được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận; Trong vụ án này bắt đầu từ biên nhận đầu tiên bị đơn ký nhận vào biên nhận nợ cho đến nay, bị đơn chỉ chứng minh trả nợ được 12.000.000<sup>d</sup> không đưa ra chứng cứ nào khác chứng minh khoản tiền trả lãi cho tất cả các biên nhận; Tuy nhiên phía nguyên đơn cũng đã khấu trừ 12.000.000<sup>d</sup> vào tiền nợ và giảm tiền lãi và tiền hoa hồng trong tiền nợ của biên nhận hui là 97.500.000<sup>d</sup> là có lợi cho bị đơn. Bị đơn không chứng minh được việc cho vay nặng lãi của nguyên đơn, nên kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không được chấp nhận. Từ nhận định trên do các đương sự tự nguyện về nghĩa vụ trả nợ liên đới đối với anh B theo biên nhận ngày 28/02/2020, nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ liên đới và điều chỉnh số tiền sau khi trừ nghĩa vụ liên đới, số tiền còn lại buộc chị H phải có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của các bị đơn về yêu cầu chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý hành vi vay nặng lãi của chị Phan Thị S: Tại phiên tòa anh B đã rút, chị H giữ nguyên yêu cầu, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh hành vi của chị S, hơn nữa căn cứ biên nhận nợ chị S khởi kiện tại tòa hôm nay là giao dịch dân sự được các bên thừa nhận ký kết hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện và chị H cũng chỉ chứng minh trả được 12.000.000<sup>d</sup>, nhưng chị S cũng tự nguyện trừ vào vốn, bị đơn chưa chứng minh tiền lãi đã trả quá cao, nên không có căn cứ

chấp nhận yêu cầu chuyển hồ sơ của chị H; Trường hợp nếu chị H chứng minh được hành vi của chị S vi phạm thì được quyền trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền tố giác hành vi phạm tội của chị S. Do đó, kháng cáo yêu cầu chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý hành vi vay nặng lãi của chị Phan Thị S chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Ngọc H không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn chị Phan Thị S và cho rằng đã trả quá nhiều vốn và lãi: Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp trong đó có các biên nhận ngày 28/02/2020 (âl) vay số tiền 70.000.000<sup>d</sup>; biên nhận ngày 10/3/2020 (âl) vay số tiền 48.000.000<sup>d</sup>; biên nhận ngày 13/3/2020 (âl), vay số tiền 20.000.000<sup>d</sup> biên nhận ngày 15/03/2020 (âl) nợ các dây hụi vốn và lãi là 365.000.000<sup>d</sup> và các biên nhận ngày 28/01/2020 (âl), ngày 13/02/2020 (âl), ngày 28/02/2020 (âl) đều có ghi số tiền phải đóng lại hụi chết là 13 tháng rưỡi (13,5 tháng), mỗi tháng đóng 3.000.000<sup>d</sup>. Tất cả các biên nhận này chị H đều thừa nhận có ký tên, đây là chứng cứ không phải chứng minh.

[2.1] Về việc xác định nợ: Chị H cho rằng, 03 biên nhận tiền vay 138.000.000<sup>d</sup> nợ hụi ngày đã gộp và biên nhận biên nhận ngày 15/03/2020 (âl) của số tiền 365.000.000<sup>d</sup> và hụi nửa tháng chị H chỉ thừa nhận có chơi 03 dây là 06 phần. Lời trình bày của chị H không được chị S thừa nhận và theo chị S là khoản nợ riêng không gộp lại như chị H trình bày. Đối chiếu nội dung của 03 biên nhận phần tiền vay đều thể hiện tiền mượn và tiền vay, không có nội dung tiền hụi; Trong khi đó nội dung biên nhận ngày 15/03/2020 (âl) ghi là “Số tiền còn thiếu số trong 09 dây hụi ngày”. Từ nội dung được ghi trong các biên nhận có cơ sở xác định 03 biên nhận tiền vay và biên nhận hụi ngày 15/03/2020 (âl) là nợ riêng như nhận định của sơ thẩm là có căn cứ. Đối với dây hụi nửa tháng mặc dù nguyên đơn và bị đơn đều trình bày số phần chơi của bị đơn đối với mỗi dây hụi có khác nhau; tuy nhiên qua các biên nhận nguyên đơn cung cấp bị đơn đều thừa nhận có ký tên nên có căn cứ xác định bị đơn có nợ nguyên đơn theo 03 biên nhận ngày 28/01/2020 (âl), ngày 13/02/2020 (âl), ngày 28/02/2020 (âl) số tiền phải đóng lại hụi chết là 13 tháng rưỡi (13,5 tháng), mỗi tháng đóng 3.000.000<sup>d</sup> cho từng biên nhận là có căn cứ.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị đơn Lê Thị Ngọc H không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn với lý do đã trả quá nhiều vốn và lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, Việc

thỏa thuận vay và tham gia hội của các bên là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện; Thỏa thuận vay và tham gia hội hai bên đều có làm biên nhận và chị H cũng đã thừa nhận ký nhận vào toàn bộ biên nhận nguyên đơn cung cấp. Thừa nhận của chị H là chứng cứ xác định chị H nợ của chị S. Chị H kháng cáo cho rằng đã trả cho chị S qua nhiều vốn lãi, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền đã trả ngoài những giấy tờ bản pho tô không rõ ràng, các chứng cứ chị H cung cấp đều có ngày tháng năm trước ngày ký kết các biên nhận nợ do chị S cung cấp; các giấy tờ chị H cung cấp đều đánh dấu đã thanh toán rồi (đánh dấu R); Tại phiên tòa chị cũng thừa nhận là giấy tờ của giao dịch trước đó, việc cung cấp giấy tờ trước khi ký các biên nhận là nhằm chứng minh trước đó chị có nợ chị S và đã thanh toán cho chị S quá nhiều. Xét thấy, các giấy tờ chị H cung cấp tại tòa không chứng minh được số tiền chị trả trong các biên nhận mà chị S cung cấp nên không có cơ sở chấp nhận. Chị H thừa nhận ký nhận nợ thì có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp; Tuy nhiên, nguyên đơn đã tự nguyện trừ các tiền lãi và tiền lãi và tiền hoa hồng trong biên nhận ngày 15/3/2020 là 97.500.000<sup>d</sup> và trừ 12.000.000<sup>d</sup> của khoản tiền 03 đây hội nửa tháng là có lợi cho chị H. Nên kháng cáo của chị H không đồng trả nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của anh B và yêu cầu của chị H cho rằng, anh B không biết gì về các khoản nợ của chị S. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của anh B và anh B cũng có mặt đồng ý trả nợ với nghĩa vụ liên đới cho biên nhận ngày 28/02/2020 và đã được nguyên đơn chị Phan Thị S đồng ý cho anh B liên đới trả khoản nợ này là 70.000.000<sup>d</sup>; các khoản nợ khác chị S yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả. Sự thỏa thuận của các đương sự là ý chí tự nguyện, phù hợp với kháng cáo của các bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền và chơi hội là sự tự nguyện của các bên, chị H đã nhận số tiền vay và tiền hội từ chị S nhưng khi đến hạn trả nợ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị S. Từ đó, có căn cứ xác định tổng số tiền chị H có nghĩa vụ phải trả cho chị S là 515.000.000<sup>d</sup>, trong đó có phần nghĩa vụ liên đới của anh B đã được các đương sự thỏa thuận trong [3] nên cần tách ra buộc anh B có nghĩa vụ liên đới với chị H trả 70.000.000<sup>d</sup> theo biên nhận ngày 28/02/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật; số tiền nợ còn lại buộc chị H có nghĩa vụ trả nợ cho chị



S là có cơ sở. Từ những nhận định nêu trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát ghi nhận sự tự nguyện nghĩa vụ liên đới của bị đơn và các đương sự; áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Ngọc H và anh Võ Văn B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị S.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị S với chị Lê Thị Ngọc H và anh Võ Văn B về xác định nghĩa vụ liên đới của anh B trong biên nhận ngày 28/02/2020.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm 16/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang về xác định nghĩa vụ liên đới.

### **Tuyên xử:**

1. Buộc chị Lê Thị Ngọc H và anh Võ Văn B có nghĩa vụ liên đới phải trả cho chị Phan Thị S số tiền 70.000.000<sup>d</sup> (bảy mươi triệu đồng). Trong đó, phần của chị H phải trả 35.000.000<sup>d</sup> (Ba mươi lăm triệu đồng); Phần của anh B phải trả 35.000.000<sup>d</sup> (Ba mươi lăm triệu đồng).

2. Buộc chị Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị S số tiền 445.000.000<sup>d</sup> (bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Lê Thị Ngọc H và anh Võ Văn B phải liên đới chịu 3.500.000<sup>d</sup> (Ba triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó, phần của chị H phải chịu 1.750.000<sup>d</sup>

(một triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng); phần anh B phải chịu 1.750.000<sup>d</sup> (một triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

4.2. Buộc chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 21.800.000<sup>d</sup> (hai mươi một triệu tám trăm ngàn đồng).

4.3. Chị Phan Thị S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.511.976<sup>d</sup> (mười sáu triệu năm trăm mười một ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng); Trong đó, số tiền 13.061.976<sup>d</sup> (mười ba triệu không trăm sáu mươi một ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng), theo biên lai thu tiền số 006593 lập ngày 10/11/2020 và số tiền 3.450.000<sup>d</sup> (ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0006822 lập ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

5.1. Chị Lê Thị Ngọc H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006329 lập ngày 13/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang.

5.2. Anh Võ Văn B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006330 lập ngày 13/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 06 tháng 9 năm 2022.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện M;
- CC THADS huyện M;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu hồ sơ.*

**Võ Hoàng Khải**